

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH BÃI BỎ NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2025/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2025 VÀ BÃI BỎ MỘT PHẦN QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 127/2025/NQ-HĐND NGÀY 26/12/2025 VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BÃI BỎ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1	<b>Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</b>	<b>Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết 12/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</b>	<p>Ngày 25/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2024/NĐ-CP Quy định về thanh lý rừng trồng; tại khoản 2 Điều 6 quy định: “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương</i>”. Trên cơ sở đó, HĐND tỉnh Bắc Ninh ban hành Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; tại Điều 2 Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND quy định: “<i>Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</i>”.</p> <p>Ngày 26/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2026/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (có hiệu lực kể từ ngày 26/01/2026); theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP thì Nghị định số 140/2024/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ ngày 26/01/2026.</p>

			<p>Mặt khác, tại Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP quy định: “<i>thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26a Luật Lâm nghiệp</i>”; tại điểm b khoản 3 Điều 26a Luật Lâm nghiệp quy định: “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương</i>”.</p> <p>Do Nghị định số 140/2024/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ ngày 26/01/2026 và theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26a Luật Lâm nghiệp thì thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (không phải thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND).</p> <p>Từ những căn cứ nêu trên, xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND là rất cần thiết, đúng quy định của pháp luật</p>
2	<p><b>Đối với Nghị quyết số 127/2025/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030</b></p>	<p><b>Bãi bỏ một phần Quy định Hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết 127/2025/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</b></p>	<p>Ngày 24/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2024/NĐ-CP Về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; tại khoản 3 Điều 27 quy định: “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương</i>”. Trên cơ sở đó, HĐND tỉnh Bắc Giang (cũ) ban hành Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 Quy định một số nội dung về chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp (sáp nhập tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Bắc Ninh mới), HĐND tỉnh</p>
	<p><b>Điều 21. Chính sách đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất</b></p> <p>1. Mức kinh phí bảo vệ rừng:</p> <p>a) Mức kinh phí bảo vệ rừng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 9; điểm a khoản</p>	<p>Bãi bỏ Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 127/2025/NQ-HĐND</p>	

<p>2 Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP là 0,15 triệu đồng/ha/năm;</p> <p>b) Mức kinh phí bảo vệ rừng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP là 0,5 triệu đồng/ha/năm;</p> <p>c) Kinh phí bảo vệ rừng đối với xã khu vực II, III bằng 1,2 lần mức quy định trên.</p> <p>2. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP:</p> <p>a) Mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: 01 triệu đồng/ha/năm trong thời gian 06 năm;</p> <p>b) Mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: 2 triệu đồng/ha/năm trong 03 năm đầu và 01 triệu đồng/ha/năm cho 03 năm tiếp theo;</p> <p>c) Mức hỗ trợ đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 8 triệu đồng/ha.</p> <p>3. Mức hỗ trợ trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư, quy định tại khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 11 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP: Bằng mức kinh phí đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>4. Mức hỗ trợ khác đối với rừng sản xuất quy định tại Điều 14, 15, 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP:</p>		<p>Bắc Ninh (mới) ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 Áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường do Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang và Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh (cũ) ban hành trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 15/NQ-HĐND thì Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Đến ngày 26/12/2025, HĐND tỉnh Bắc Ninh ban hành Nghị quyết số 127/2025/NQ-HĐND (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026); theo quy định tại khoản 2 Điều 2 thì Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang (cũ) ban hành Quy định một số nội dung về chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bị bãi bỏ. Chính sách hỗ trợ trong lâm nghiệp được quy định tại Điều 21, Điều 22 Mục 3 Quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 127/2025/NQ-HĐND.</p> <p>Ngày 26/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2026/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (có hiệu lực kể từ ngày 26/01/2026); trong đó có sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 Về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2024/NĐ-CP tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP đều mang tính ưu việt hơn, phù hợp với tình hình thực tiễn hơn so với</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>a) Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: Hỗ trợ một lần 15 triệu đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng;</p> <p>b) Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, tính trên số vốn vay dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hỗ trợ;</p> <p>c) Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Hỗ trợ 01 lần xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với mức 0,4 triệu đồng/ha.</p> <p>5. Hồ sơ, trình tự thủ tục và các nội dung còn lại thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.</p>		<p>Nghị định số 58/2024/NĐ-CP khi chưa sửa đổi, điển hình như: mức khoán bảo vệ rừng tăng từ 500.000 đồng lên 1.000.000 đồng/ha/năm, mức cấp kinh phí bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng tăng từ 150.00 đồng lên 500.000 đồng/ha/năm, mức kinh phí khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đối với rừng đặc dụng, phòng hộ tăng từ 1.000.000 đồng lên 2.500.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm...</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27) quy định: “Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng tại địa phương thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 Nghị định này. Trường hợp cần quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”.</p> <p>Nghị định số 42/2026/NĐ-CP đã điều chỉnh mức hỗ trợ đối với việc bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ đầu tư phát triển rừng; đồng thời điều chỉnh thẩm quyền chủ thể ban hành chính sách.</p> <p>Từ những căn cứ nêu trên, bãi bỏ Điều 21, Điều 22 Mục 3 Quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 127/2025/NQ-HĐND để thực hiện mức kinh phí theo quy định tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP là rất cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương. Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng tại địa phương thực hiện theo</p>
<p><b>Điều 22. Chính sách chung về bảo vệ, phát triển rừng</b></p> <p>1. Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP: 0,5 triệu đồng/ha/năm. Đối với diện tích rừng thuộc xã khu vực II, III bằng 1,2 lần mức quy định trên.</p> <p>2. Mức hỗ trợ tiền ăn đối với các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo lệnh điều động, huy động của người có thẩm quyền, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP: Bằng 0,4 ngày lương tối thiểu vùng/suất ăn.</p> <p>3. Mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định</p>	<p>Bãi bỏ Điều 22 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 127/2025/NQ-HĐND.</p>	

<p>số 58/2024/NĐ-CP: 15 kg gạo/khâu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, hình thức trợ cấp cụ thể theo diện tích, số khâu phù hợp với thực tế của địa phương và thời gian trợ cấp tối đa 7 năm, đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Mức trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy trong năm căn cứ vào diện tích trồng rừng thực tế và thời gian chưa tự túc được lương thực là 6 tháng với 450kg/năm;</p> <p>b) Mức trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện bảo vệ và phát triển rừng trong năm căn cứ vào diện tích thực hiện bảo vệ và phát triển rừng và trong thời gian chưa tự túc được lương thực là 4 tháng với 300 kg/năm;</p> <p>c) Đối với hộ gia đình thực hiện tất cả hoạt động trồng rừng thay thế nương rẫy và hoạt động bảo vệ và phát triển rừng thì được hưởng theo mức trợ cấp cho hoạt động cao hơn.</p> <p>4. Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP: Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng, xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao, xây dựng vườn ươm giống nhưng tối đa theo mức quy định sau:</p> <p>a) 55 triệu đồng/ha đối với xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên; hỗ trợ 25 triệu đồng/ha đối với xây dựng rừng giống chuyên hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> trở lên;</p> <p>b) 05 tỷ đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 01 triệu cây/năm;</p>		<p>quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP).</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>c) 300 triệu đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha.</p> <p>5. Hỗ trợ trồng cây phân tán đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán, quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP: 15 triệu đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha), để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc là 93%; tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán là 07%.</p> <p>6. Hồ sơ, trình tự thủ tục và các nội dung còn lại thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.</p>		
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--